Địa chỉ nhận câu trả lời: E-mail:kaneko@hiecc.or.jp

Thời hạn nộp: Ngày 11 tháng 1 / 2019

(Kaneko, Trung tâm hợp tác và giao lưu quốc tế Hokkaido)

Khảo sát về vấn đề tìm kiếm việc làm

Q1. Giới tính　　　　 □ Nam　　　 □ Nữ

Q2. Chuyên ngành　　　 □ Khoa học tự nhiên　　　□ Khoa học xã hội

Q3. Năm học

　　　□ Năm　　Khoa Sau Đại học (Chương trình đào tạo tiến sĩ)

　　□ Năm　　Khoa Sau Đại học (Chương trình đào tạo thạc sĩ)

　　□ Năm　　Chương trình đào tạo cử nhân

　　　□ Nghiên cứu sinh

□ Sinh viên dự thính

Q4. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

□ Có nguyện vọng (hoặc đã quyết định) tìm kiếm việc làm tại Hokkaido → Đến Q5

□ Có nguyện vọng (hoặc đã quyết định) tìm kiếm việc làm tại các khu vực của Nhật Bản trừ Hokkaido → Đến Q6

□ Có nguyện vọng (hoặc đã quyết định) tìm kiếm việc làm tại quốc gia/khu vực nơi đã sinh ra

□ Có dự định (hoặc đã quyết định) học lên cao

□ Vẫn chưa biết

　　　□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q5. Dành cho người đã chọn “Có nguyện vọng tìm kiếm việc làm tại Hokkaido” ở Q4

 Vì sao bạn muốn tìm kiếm việc làm tại Hokkaido? \* Có thể chọn nhiều đáp án

□ Vì có doanh nghiệp/nghề nghiệp muốn làm

□ Vì có doanh nghiệp mà tôi có thể sử dụng kiến thức chuyên ngành/chuyên môn của mình

□ Vì có doanh nghiệp mà tôi có thể sử dụng khả năng ngoại ngữ tiếng Nhật và tiếng mẹ đẻ

□ Vì muốn tích lũy kinh nghiệm tại doanh nghiệp ở Hokkaido

□ Vì muốn sống ở Hokkaido

□ Vì tiền lương và đãi ngộ tốt

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q6. Dành cho người đã trả lời “Có nguyện vọng tìm kiếm việc làm tại các khu vực trừ Hokkaido” ở Q4

 Vì sao bạn không muốn tìm kiếm việc làm tại Hokkaido? \* Có thể chọn nhiều đáp án

□ Vì không biết có những loại công ty nào

□ Vì không tìm thấy doanh nghiệp/nghề nghiệp muốn làm

□ Vì không tìm thấy doanh nghiệp đang tuyển dụng du học sinh

□ Vì không tìm thấy doanh nghiệp mà tôi có thể sử dụng kiến thức chuyên ngành/chuyên môn của mình

□ Vì không tìm thấy doanh nghiệp mà tôi có thể sử dụng khả năng ngoại ngữ tiếng Nhật và tiếng mẹ đẻ

□ Vì không dẫn đến thăng tiến sự nghiệp trong tương lai

□ Vì không có doanh nghiệp nổi tiếng tại quốc gia/khu vực nơi đã sinh ra

□ Vì tiền lương và đãi ngộ không tốt

□ Vì không quen sống tại Hokkaido

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q7. Dành cho người đã trả lời “Có nguyện vọng tìm kiếm việc làm tại Hokkaido” hoặc “Có nguyện vọng tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản” ở Q4.

 Bạn có lo lắng về hoạt động tìm kiếm việc làm ở Nhật Bản không? \* Có thể chọn nhiều đáp án

□ Không biết nên bắt đầu hoạt động tìm kiếm việc làm từ khi nào

□ Không có ai có thể tư vấn về vấn đề tìm kiếm việc làm

□ Lo lắng vì không có người quen đã tìm được việc làm tại Nhật Bản

□ Không biết cách tìm kiếm thông tin tuyển dụng

□ Không biết cách phân tích doanh nghiệp và doanh nghiệp nào phù hợp với bản thân

□ Không biết có những loại doanh nghiệp nào

□ Không biết nghề nghiệp/doanh nghiệp nào có thể phát huy được năng lực của bản thân

□ Không biết doanh nghiệp nào đang tuyển dụng du học sinh

□ Không biết cách viết sơ yếu lý lịch/entry sheet (bản ngắn gọn của sơ yếu lý lịch) và cách phỏng vấn

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

[Tất cả mọi người hãy trả lời từ đây]

Q8. Khi tìm kiếm việc làm, ngành nghề bạn mong muốn là gì?

 \* Có thể chọn nhiều đáp án

□ Ngành nông - lâm - ngư nghiệp, khai khoáng

□ Ngành xây dựng

□ Ngành sản xuất

□ Ngành thông tin và truyền thông

□ Ngành vận tải

□ Ngành bán buôn

□ Ngành bán lẻ (cửa hàng)

□ Ngành tài chính - bảo hiểm

□ Ngành bất động sản

□ Ngành nhà hàng - khách sạn

□ Y tế

□ Phúc lợi - Chăm sóc

□ Ngành hỗ trợ học tập - đào tạo

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q9. Nội dung công việc bạn mong muốn là gì?

 \* Có thể chọn nhiều đáp án

　　　□ Biên - phiên dịch □ Buôn bán - kinh doanh　　　□ Điều hành - quản lý

　　　□ Phát triển công nghệ □ Xử lý thông tin

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q10. Khi tìm kiếm việc làm, bạn quan tâm nhiều đến điều kiện nào?

 \* Có thể chọn nhiều đáp án

　　　□ Có thể đồng cảm với triết lý doanh nghiệp

□ Có nhiều ngày nghỉ, nghỉ phép

□ Tình hình tài chính - kết quả kinh doanh tốt

□ Học hỏi được những kỹ năng cao cấp

□ Phúc lợi đầy đủ

□ Có thể làm việc tại nơi làm việc mong muốn

□ Cống hiến nhiều cho xã hội

□ Hệ thống giáo dục - đào tạo đầy đủ

□ Nội dung công việc hấp dẫn

□ Là doanh nghiệp lớn

□ Bầu không khí nơi làm việc tốt

□ Lương, đãi ngộ tốt

□ Có triển vọng tương lai

□ Đang tích cực tuyển dụng du học sinh

Q11. Du học sinh cần sự hỗ trợ nào để tìm kiếm việc làm tại Hokkaido?

 \* Có thể chọn nhiều đáp án

□ Buổi giới thiệu doanh nghiệp và buổi phỏng vấn tìm kiếm việc làm dành cho du học sinh

□ Buổi giao lưu với doanh nghiệp và chuyến tham quan các doanh nghiệp ở Hokkaido

□ Cung cấp thông tin về doanh nghiệp ở Hokkaido

□ Nới lỏng tư cách cư trú

□ Hội thảo về phương pháp cho hoạt động tìm kiếm việc làm

□ Hướng dẫn cách viết sơ yếu lý lịch/entry sheet và phỏng vấn

□ Buổi giao lưu và hội thảo chung dành cho du học sinh đã tìm được việc làm

□ Khác

Q12. Nếu vào làm tại doanh nghiệp ở Hokkaido, bạn muốn làm việc trong thời gian bao lâu?

　　　□ Khoảng 1 năm　　　□ Khoảng 3 năm　　　□ Khoảng 5 năm　　　□ Từ 10 năm trở lên

□ Chưa quyết định

Q13. Bạn có được thông tin việc làm tại Hokkaido ở đâu?

□ Trường Đại học　　　□ Internet　　　□ Hội thảo

□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q14. Thực tập tại doanh nghiệp ở Hokkaido

　　　□ Đã từng tham gia. → (Tháng　　năm　　~ tháng　　năm　　)

　　　□ Muốn thử trải nghiệm trong tương lai.

　　　□ Không có hứng thú.

Q15. Dành cho người đã trả lời “Đã từng tham gia” ở Q14.

 Bạn có muốn vào làm tại doanh nghiệp đó không?

　　　□ Muốn vào làm (Lý do: )

　　　□ Không muốn vào làm (Lý do: )

　　　□ Vẫn chưa biết. (Lý do: )

　　　□ Đã quyết định vào làm tại doanh nghiệp đó.

Q16. Dành cho người đã trả lời “Muốn thử trải nghiệm trong tương lai” ở Q14.

 Điều kiện cho việc tham gia đó là gì? \* Có thể chọn nhiều đáp án

　　　□ Doanh nghiệp tôi muốn vào làm

□ Được trả lương

　　　□ Có nhân viên người nước ngoài

　　　□ Chỉ có thể tham gia trong thời gian kỳ nghỉ ở trường

　　　□ Đang tích cực tuyển dụng du học sinh

　　　□ Khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　)

Q17. Dành cho người đã trả lời “Muốn thử trải nghiệm trong tương lai” ở Q14.

 Thời gian bạn mong muốn là khoảng bao lâu?

　　　□ Trong vòng 3 ngày　 □ 4 ~ 7 ngày　　 □ 8 ~ 14 ngày

　　　□ 15 ~ 30 ngày　　　 □ 1 ~ 3 tháng　　　 □ Từ 3 tháng trở lên

　　　□ Khác (　　　　　　　　　　　)

Q18. Năng lực tiếng Nhật

 (Bằng cấp)

　　　□ Đã có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật (JLPT) (N　)

(Trình độ)

　　　□ Không có vấn đề trong việc đọc, viết báo cáo, cũng như khi tham dự các giờ học tiếng Nhật.

　　□ Không biết đọc và viết, nhưng có thể giao tiếp với người Nhật hàng ngày.

　　　□ Không biết đọc và viết, nhưng có thể tạm xoay sở ở mức độ hội thoại hàng ngày

　　　□ Không biết tiếng Nhật, nhưng có thể giao tiếp bằng tiếng Anh.

Q19. Bạn vui lòng cho biết nếu có các tổ chức mạng lưới tại Việt Nam dành cho du học sinh (ứng viên, cựu sinh viên (OB), v.v…) đến Hokkaido.

Q20. Tại trung tâm của chúng tôi có dự định tổ chức một buổi giao lưu giữa doanh nghiệp ở Hokkaido và du học sinh Việt Nam vào khoảng tháng 3.

Chúng tôi rất mong nhận được sự tham gia của bạn, hãy cho chúng tôi biết thông tin liên lạc nếu bạn có thể đến nhé.

(Buổi giao lưu sẽ có cả người phiên dịch tiếng Anh nên bạn hãy cứ yên tâm tham gia)

|  |  |
| --- | --- |
| Họ tên (phiên âm furigana) |  |
| Tên trường đại học |  |
| Ngành/khoa, năm học |  |
| Tuổi |  |
| Giới tính |  |
| Địa chỉ email liên hệ |  |

Bản khảo sát đến đây là hết. Xin chân thành cảm ơn.